

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 07-10-2025

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Điều

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Mua

Bà Nguyễn Thị Sương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Lan – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 2 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa

Trong ngày 07 tháng 10 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Châu Thị S**, sinh năm 1983

Địa chỉ: ấp N, xã Ng, tỉnh Vĩnh Long.

(Đề nghị xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh **Lê Công D**, sinh năm 1980

Địa chỉ: ấp N, xã Ng, tỉnh Vĩnh Long.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12/3/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Châu Thị S trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Châu Thị S và bị đơn anh Lê Công D thành hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ng, tỉnh

Vĩnh Long vào ngày 31/7/2002. Thời gian chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 11/2024 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không chung sống từ tháng 11/2024 đến nay. Chị S xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn với anh D.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lê H, sinh ngày 29/6/2002 đã trưởng thành và Lê Thành Đ, sinh ngày 16/11/2009 hiện chị S đang nuôi. Chị S yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án có thông báo thụ lý, phiên họp công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải cho các đương sự tham gia hòa giải nhằm giúp vợ chồng đoàn tụ, nhưng chị S đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, anh D vắng mặt không lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được giữa chị S và anh D, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa:

Chị S vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Anh D vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án: Căn cứ đơn khởi kiện của chị Châu Thị S yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 2 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long giải quyết ly hôn và tranh chấp nuôi con với anh Lê Công D; trú tại ấp N, xã Ng, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp việc nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

[1.2] Về sự có mặt, vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn chị Châu Thị S vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Lê Công D vắng mặt không lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo luật định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Nguyên đơn chị Châu Thị S và bị đơn anh Lê Công D thành hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ng, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 31/7/2002 nên quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp.

Thời gian chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 11/2024 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không chung sống từ

tháng 11/2024 đến nay. Chị S xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn với anh D. Phía anh D đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh D vắng mặt không lý do. Điều này chứng tỏ rằng tình cảm giữa chị S và anh D không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện chị S, xử cho chị S ly hôn anh D là phù hợp Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lê H, sinh ngày 29/6/2002 đã trưởng thành và Lê Thành Đ, sinh ngày 16/11/2009 hiện chị S đang nuôi. Chị S yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung Lê Thành Đ, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu nuôi con chung của chị D là có cơ sở chấp nhận, phù hợp nguyện vọng của con chưa thành niên, nên Hội đồng xét xử tiếp tục giao con chung Lê Thành Đ cho chị S nuôi dưỡng, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị S không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị S là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc chị S nộp án phí 300.000 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị S đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Châu Thị S. Xử cho chị Châu Thị S ly hôn anh Lê Công D.

2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lê H, sinh ngày 29/6/2002 đã trưởng thành và Lê Thành Đ, sinh ngày 16/11/2009 hiện chị S đang nuôi. Tiếp tục giao con chung Lê Thành Đ cho chị S nuôi dưỡng, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị S không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị S nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) chị S đã nộp theo biên lai thu số 0002159 ngày 08/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 – Vĩnh Long), chị S đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 2 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 2 – Vĩnh Long;
- Đương sự;
- UBND xã Ngải Tứ (ngày 31/7/2002);
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Nguyễn Văn Điều